

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HSST
Ngày 12/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Long
2. Ông Phạm Khắc Mã

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/06/1968.

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm BĐ, xã TĐ, thành phố TN; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 6/10; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết), con bà Đinh Thị K, sinh năm 1928, hiện trú tại xóm BĐ, xã TĐ, thành phố TN; gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 06; có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 65/HSST ngày 22/4/2003, Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt Nguyễn Văn Đ 07 năm tù giam, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Ra trại ngày 28/8/2008, phần hình phạt bổ sung được miễn thi hành án theo Quyết định đình chỉ số 131/30.9.2014).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965, trú tại tổ 12, phường TĐ2, thành phố TN (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 22/12/2017, tổ công tác của Công an phường TĐ2, thành phố TN làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 06, phường TĐ2, thành phố TN phát hiện 01 nam thanh niên, mặc áo khoác màu xanh, quần tối màu có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, đối tượng nam giới tự khai tên là Nguyễn Văn Đ. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện, thu giữ tại trong lòng bàn tay trái của Đ 02 gói giấy bạc màu vàng, bên trong chứa chất bột màu trắng (Đ khai là Hêrôin). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang với Đ và niêm phong thu giữ vật chứng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN cân xác Đ trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ có trọng lượng 0,214 gam.

Tại bản kết luận giám định số 200/KL-PC54 ngày 28/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ là chất ma túy, loại Hêrôin.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 22/12/2017, Đ đi bộ từ nhà thuộc xóm BĐ, xã TĐ, thành phố TN đến khu vực Cầu Đ3 thuộc phường TĐ2, thành phố TN để mua Hêrôin sử dụng cho bản thân. Tại đây, Đ gặp và mua của một nam thanh niên không quen biết được 02 gói Hêrôin với giá 200.000 đồng. Mua xong, Đ cầm 02 gói Hêrôin vừa mua được tại lòng bàn tay trái của mình rồi đi tìm nơi sử dụng. Khi đi đến khu vực tổ 06, phường TĐ2, thành phố TN thì bị tổ công tác của Công an phường TĐ2 phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1.

Tại bản Cáo trạng số 74/KSĐT-MT ngày 20 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù giam.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Phần lời nói sau cùng bị cáo Đ xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, biên bản bắt phạm tội quả tang, kết luận giám Đ và vật chứng thu giữ. Hội đồng xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 22/12/2017, tại khu vực tổ 06, phường TĐ2, thành phố TN, Nguyễn Văn Đ đang có hành vi tàng trữ 0,214 gam Hêrôin để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an phường TĐ2, thành phố TN phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều 249 quy Đ:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy..., thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c, Heroine,... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Bị cáo phạm tội ngày 22/12/2017, thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khung hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ điểm h, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định: “2. Kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 được công bố, tiếp tục thực hiện các quy định sau đây:

...

h, Thực hiện các quy Đ tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015...”.

Tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật ... quy định một hình phạt nhẹ hơn ... và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành”.

Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do vậy, áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu: Tại bản án số 65/HSST ngày 22/4/2003, Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt bị cáo 07 năm tù, phạt bổ sung 5 triệu đồng về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo ra trại ngày 28/8/2008, phần hình phạt bổ sung được miễn thi hành án theo Quyết định đình chỉ số 131, ngày 30/9/2014). Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo để trở thành người tốt.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng theo biên bản xác minh, bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng, nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1 là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, theo Nguyễn Văn Đ khai đã mua của 01 nam thanh niên không quen biết, do không xác định được lai lịch, địa chỉ của nam thanh niên trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Đ 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1. Biên bản giao nhận vật chứng số 105 ngày 08/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo
- Lưu HS; lưu BP.

Nguyễn Thu Huệ

